TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HC-ST.
Ngày: 30/6/2026.

"V/v: Kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh .
2. Bà Hoàng Thị Quế.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) khu vực 14 - Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 14 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 30/6/2026, tại trụ sở TAND khu vực 14 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2026/TLST-HC ngày 04/3/2026 về việc: *"Kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất",* giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phan Văn H1, sinh năm 1978 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1977;

+ Bà Đinh Thị N, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2026, được bổ sung tại Biên bản đối thoại ngày 19/5/2026, người khởi kiện ông Võ Văn H trình bày:

Cha ông là ông Võ Văn C, sinh năm 1928 (chết năm 2011). Ngày 28/6/2002, ông C được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số U 637803 thuộc thửa đất số 4 và số 8 tờ bản đồ số 21 với tổng diện tích là 18.239m2 đất trồng cây hàng năm khác. Đến năm 2010, ông C

tặng cho lại ông các thửa đất trên và ông được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010.

Nay ông có nhu cầu đo đạc, cấp đổi lại GCNQSDĐ thì chính quyền địa phương phát hiện các thửa đất ông đang quản lý, sử dụng không đúng với vị trí, diện tích so với GCNQSDĐ được cấp, theo đó: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 có diện tích là 4.352m2 đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc Giấy chứng nhận này có diện tích là 13.887m2; 02 thửa đất này đều là đất trồng cây lâu năm và có địa chỉ ở thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, qua xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng thì diện tích của các thửa đất hiện ông đang sử dụng trên thực tế tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

+ Thửa 1 có diện tích là 14.323,3m2 đất trồng cây lâu năm, với vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường bê tông;
- Phía Tây giáp đất ông P và đất ông H2;
- Phía Nam giáp khe cạn;
- Phía Bắc giáp đất ông N1;

+ Thửa 2 có diện tích là 38.345,7m2 đất trồng cây lâu năm, với vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông H3;
- Phía Tây giáp đường bê tông;
- Phía Nam giáp khe cạn và đất ông C1;
- Phía Bắc giáp đất ông C2 và đất ông B;

Hai thửa đất ông đang sử dụng nói trên không đúng với vị trí, diện tích và chỉ số cạnh của các thửa đất số 4 và số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông. Theo bản đồ địa chính thì các thửa đất số 4 và số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 nếu đúng vị trí trên thực tế sẽ là:

+ Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 có diện tích là 14.323,3m2 đất trồng cây lâu năm nhưng diện tích trên thực tế là 18.239m2 tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai do ông Phan Văn H1 đang sử dụng, đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà N;
- Phía Tây giáp đường đất;
- Phía Nam giáp thửa đất số 8 bà N đang sử dụng;
- Phía Bắc giáp đất ông H4;

+ Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 có diện tích là 13.887m2 đất trồng cây lâu năm nhưng diện tích trên thực tế là 19.388,4m2 tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai do bà Đinh Thị N đang sử dụng, đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường đất;
- Phía Tây giáp đất Công ty S;
- Phía Nam giáp đường đất;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 4 ông H1 đang sử dụng;

Như vậy, vị trí đất ông đang sử dụng lệch vị trí so với đất ông được cấp GCNQSDĐ khoảng 01km, diện tích đất thực tế ông sử dụng là 52.669m2 trong khi diện tích theo GCNQSDĐ là 18.239m2 nên UBND xã K đã từ chối thu hồi Giấy chứng nhận cũ để cấp lại Giấy chứng nhận mới cho ông vì không đúng thẩm quyền do Giấy chứng nhận của ông có nguồn gốc ông nhận chuyển quyền sử dụng đất từ ông C tặng cho lại (Công văn trả lời số: 213/UBND-KT ngày 03/3/2026).

GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 là do UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp, nay UBND huyện K không còn, Chủ tịch UBND xã K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện K để lại. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K đã cấp cho ông để ông làm thủ tục xin cấp lại GCNQSDĐ mới cho đúng với vị trí, diện tích, hình thể và chỉ số cạnh của đất ông đã nhận tặng cho và đang sử dụng.

Tại Biên bản đối thoại ngày 19/5/2026, người bị kiện ông Trần Trung T - Chủ tịch UBND xã K, tỉnh Gia Lai trình bày:

Vừa qua, ông có nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 01/TB-TLVA ngày 04/3/2026 cùng bản sao Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2026 của TAND khu vực 14 - Gia Lai gửi đến. Nay qua ý kiến trình bày của người khởi kiện thì ông có quan điểm như sau:

Ông Võ Văn H có cha là ông Võ Văn C, sinh năm 1928, chết năm 2011. Ngày 28/6/2002, ông C được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp GCNQSDĐ số U 637803 thuộc các thửa đất số 4 và số 8 tờ bản đồ số 21 với tổng diện tích là 18.239m2 đất trồng cây hàng năm khác. Đến năm 2010, ông C tặng cho lại ông H các thửa đất trên và ông H được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010.

Sau đó, ông H có đơn đề nghị UBND xã K, tỉnh Gia Lai thu hồi GCNQSDĐ số BC 042213 và cấp lại GCNQSDĐ mới cho ông cho đúng với hiện trạng thực tế. Tuy nhiên, qua công tác quản lý đất đai tại địa phương, đối chiếu với tờ bản đồ địa chính thì UBND xã K phát hiện các thửa đất ông H đang sử dụng không đúng với vị trí, diện tích so với Giấy chứng nhận ông được cấp; điều này đã được ông H trình bày đầy đủ và cụ thể ở trên nên ông không bổ sung gì thêm. Trên thực tế sử dụng thì đất ông H lệch vị trí so với đất được cấp theo GCNQSDĐ là khoảng 01km, vị trí đất cấp theo Giấy chứng nhận cho ông H lại đang do bà Đinh Thị N và ông Phan Văn H1 quản lý, sử dụng; diện tích đất thực tế ông H đang sử dụng là 52.669m2 trong khi diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận là 18.239m2.

Nguyên nhân của các sai sót trên là do trong quá trình xác định vị trí đất và đo vẽ đất của chính quyền địa phương trước đây khi cấp GCNQSDĐ số U 637803 vào năm 2002 cho ông C đã có sự nhầm lẫn, không chính xác. UBND xã K đã có văn bản trả lời cho ông H là UBND xã từ chối thu hồi GCNQSDĐ cũ và cấp lại Giấy chứng nhận mới cho ông do không đúng thẩm quyền vì Giấy chứng nhận của ông H có nguồn gốc ông nhận chuyển quyền sử dụng đất từ ông C tặng cho lại (Công văn trả lời số: 213/UBND-KT ngày 03/3/2026 của UBND xã K).

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K để ông làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng

nhận mới cho đúng với vị trí, diện tích, hình thể và chỉ số cạnh của đất ông đã nhận tặng cho và đang sử dụng thì ông có quan điểm là:

GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 do UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp, nay UBND huyện K không còn, ông là Chủ tịch UBND xã K kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện K để lại. Việc ông H yêu cầu khởi kiện như trên là hoàn toàn chính đáng và đúng pháp luật nên ông cũng thống nhất, đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số BC 042213 để ông H có điều kiện làm thủ tục và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy chứng nhận mới cho ông theo đúng vị trí, diện tích, hình thể và chỉ số cạnh của đất ông đã nhận tặng cho và đang sử dụng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H1 và bà Lưu Thị L trình bày:

Hiện nay, ông bà đang sử dụng thửa đất nông nghiệp có diện tích 6.480m2 theo GCNQSDĐ số AL 719632 ngày 28/12/2007 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông bà, diện tích thực tế của thửa đất này là 14.323,3m2. Tuy nhiên, qua đối chiếu với tờ bản đồ địa chính do UBND xã K quản lý thì diện tích đất trên lại nằm trong GCNQSDĐ số BC 042213 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông H với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21. Do có sự nhầm lẫn, sai sót nói trên nên nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BC 042213 thì ông bà cũng hoàn toàn đồng ý.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị N trình bày:

Hiện nay, bà đang sử dụng thửa đất nông nghiệp có diện tích 19.388,4m2 tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai, diện tích đất này bà đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, qua đối chiếu với tờ bản đồ địa chính do UBND xã K quản lý thì diện tích đất trên lại nằm trong GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông H với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21. Do có sự nhầm lẫn, sai sót nói trên nên nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BC 042213 thì bà cũng hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND khu vực 14 - Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 3, 30, 80, 81, 82, 88, 95; các Điều 157, 158, 168, 194, 204, 205, 206, 356, 357 và 358 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 152 của Luật đất đai năm 2024 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông H.

Về án phí Hành chính sơ thẩm (HCST) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (XX, TĐTC): Ông Võ Văn H phải chịu án phí HCST và chi phí XX, TĐTC theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] ***Về xác định tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án***:

Các thửa đất số 4 và số 8 tờ bản đồ số 21 với tổng diện tích là 18.239m2 đất trồng cây hàng năm khác thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông Võ Văn H có nguồn gốc do ông Võ Văn C là cha ông H tặng cho lại. Do các thửa đất ông H nhận tặng cho và đang quản lý, sử dụng không đúng với vị trí, diện tích so với GCNQSDĐ số BC 042213; toàn bộ các thửa đất này đã được ông nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, ông H có quyền khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu TAND khu vực 14 - Gia Lai tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 4 Điều 152 của Luật Đất đai năm 2024, khoản 8 Điều 3 và Điều 30 của Luật tố tụng hành chính năm 2025.

Do GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 là do UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp; nay UBND huyện K không còn nên Chủ tịch UBND xã K, tỉnh Gia Lai là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện K theo như hướng dẫn tại tiểu mục 2.3 mục 2 của Văn bản số 285/TANDTC-PC ngày 31/7/2015 của TAND tối cao hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của các TAND. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã K, tỉnh Gia Lai tham gia tố tụng là Người bị kiện trong vụ án và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 14 - Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] ***Về việc tham gia tố tụng tại phiên tòa:*** Tại phiên đối thoại ngày 19/5/2026, người khởi kiện ông Võ Văn H và người bị kiện ông Trần Trung T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; tại các biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2026, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H1, bà Lưu Thị L và bà Đinh Thị N cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của các đương sự là tự nguyện và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 168 của Luật tố tụng hành chính năm 2025.

[3] ***Về nội dung giải quyết vụ án***:

Ông Võ Văn C là cha của ông Võ Văn H. Ngày 28/6/2002, ông C được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp GCNQSDĐ số U 637803 với các thửa đất số 4 và số 8 tờ bản đồ số 21 có tổng diện tích là 18.239m2 đất trồng cây hàng năm khác. Đến năm 2010, ông C tặng cho lại ông H các thửa đất trên, ông H được UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 và được ông sử dụng ổn định cho đến nay.

Tuy nhiên, vị trí và diện tích đất hiện ông H đang sử dụng không đúng với vị trí và diện tích của các thửa đất số 4 và số 8 tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010. Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số

BC 042213 ngày 30/6/2010 có diện tích là 4.352m2 đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc Giấy chứng nhận này có diện tích là 13.887m2; 02 thửa đất này đều là đất trồng cây lâu năm và có địa chỉ ở thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, diện tích của các thửa đất hiện ông H đang sử dụng trên thực tế tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

+ Thửa 1 có diện tích là 14.323,3m2 đất trồng cây lâu năm, với vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường bê tông;
- Phía Tây giáp đất ông P và đất ông H2;
- Phía Nam giáp khe cạn;
- Phía Bắc giáp đất ông N1;

+ Thửa 2 có diện tích là 38.345,7m2 đất trồng cây lâu năm, với vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông H3;
- Phía Tây giáp đường bê tông;
- Phía Nam giáp khe cạn và đất ông C1;
- Phía Bắc giáp đất ông C2 và đất ông B;

Hai thửa đất ông H sử dụng nói trên không đúng với vị trí, diện tích và chỉ số cạnh của các thửa đất số 4, số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai cấp cho ông. Theo bản đồ địa chính thì các thửa đất số 4, số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 nếu đúng vị trí trên thực tế sẽ là:

+ Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 có diện tích là 14.323,3m2 đất trồng cây lâu năm nhưng diện tích trên thực tế là 18.239m2 tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai do ông Phan Văn H1 đang sử dụng, đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà N;
- Phía Tây giáp đường đất;
- Phía Nam giáp thửa đất số 8 bà N đang sử dụng;
- Phía Bắc giáp đất ông H4;

+ Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 có diện tích là 13.887m2 đất trồng cây lâu năm nhưng diện tích trên thực tế là 19.388,4m2 tại thôn N, xã K, tỉnh Gia Lai do bà Đinh Thị N đang sử dụng, đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường đất;
- Phía Tây giáp đất Công ty S;
- Phía Nam giáp đường đất;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 4 ông H1 đang sử dụng;

Như vậy, vị trí đất ông H đang sử dụng lệch vị trí so với đất ông được cấp GCNQSDĐ khoảng 01km, diện tích đất thực tế ông sử dụng là 52.669m2 trong khi diện tích theo Giấy chứng nhận là 18.239m2. Nguyên nhân của các sai sót này là do trong quá trình xác định vị trí và đo vẽ đất của chính quyền địa phương trước đây khi cấp GCNQSDĐ số U 637803 vào năm 2002 cho ông Võ Văn C đã có sự nhầm lẫn, không chính xác. Điều này đã được người khởi kiện trình bày và chứng minh qua các tài liệu chứng cứ là Công văn trả lời số: 213/UBND-KT ngày

03/03/2026 của UBND xã K, tỉnh Gia Lai *(BL 08)*; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2026 kèm theo Sơ đồ ranh giới các thửa đất xác định ngoài thực địa *(các BL từ 37-42)* và được người bị kiện chấp nhận tại Biên bản đối thoại ngày 19/5/2026 *(các BL 56-57)*, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý tại các Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2026 *(các BL 60 và 68)*.

Xét vị trí, diện tích và chỉ số các cạnh của các thửa đất ông H đang sử dụng không đúng với vị trí, diện tích và chỉ số cạnh của các thửa đất số 4 và số 8, tờ bản đồ số 21 thuộc GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông; toàn bộ các thửa đất này đã được ông nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nên UBND xã K, tỉnh Gia Lai không thể đính chính hay thu hồi GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 được. Vì vậy, để ông H có căn cứ làm thủ tục đề nghị cơ quan chức năng cấp lại GCNQSDĐ mới cho ông cho đúng với vị trí, diện tích và chỉ số các cạnh của đất ông đã nhận tặng cho và đang sử dụng, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đã được người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất đồng ý, tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông H.

[4]. ***Về án phí HCST và chi phí XX, TĐTC:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã tự nguyện chịu toàn bộ án phí HCST và chi phí XX, TĐTC, xét việc tự nguyện này là đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 3, 30, 80, 81, 82, 88, 95; các Điều 157, 158, 168, 194, 204, 205, 206, 356, 357 và 358 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ vào Điều 152 của Luật đất đai năm 2024;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, tuyên hủy GCNQSDĐ số BC 042213 ngày 30/6/2010 của UBND huyện K, tỉnh Gia Lai *(trước đây)* cấp cho ông H.

Về án phí: Ông Võ Văn H phải chịu án phí HCST là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0001667 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai nên ông đã nộp đủ án phí HCST.

Về chi phí XX, TĐTC: Ông Võ Văn H phải chịu chi phí XX, TĐTC là 10.800.000 đồng, số tiền này ông đã nộp đủ trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai.
-VKSND khu vực 14-Gia Lai.
-Phòng THADS khu vực 14-Gia Lai.
-Các đương sự.
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên